TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2018
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Giang Thị Cẩm Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Mỹ Phượng
2. Ông Nguyễn Thanh Hồng

Thư ký phiên tòa: **Bà Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai: **Ông Phạm Hoàng Giang** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/201/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T** sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp m, xã P, thị xã G, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T (Th)** sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp ấp c, xã P A, thị xã G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Lương Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa: Chị và anh Nguyễn Văn T (Th) chung sống từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chị yêu cầu ly hôn với anh T do anh không chăm lo làm ăn, không lo cho vợ con, khi về nhà thì kiếm chuyện đánh chưởi, bạo lực gia đình. Về con chung tên Lương Thùy T sinh ngày 01/12/2014 đang sống với chị, chị yêu cầu nhận tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T (Th) trình bày tại các lời khai và phiên họp, phiên hòa giải thể hiện trong hồ sơ: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn và con chung. Về quan hệ vợ chồng anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung anh đồng ý giao con chị T nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung anh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự thì có sự thống nhất cụ thể như sau:

Về thời gian chung sống: Chị T và anh T thống nhất chung sống từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và chung sống, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hai bên xác định thời gian chung sống có 01 con chung tên Lương Thùy T sinh ngày 01/12/2014. Hai bên thống nhất giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T (Th) vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 13, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm b, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 và áp dụng điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14: Không công nhận anh Nguyễn Văn T (Th) và chị Lương Thị T là vợ chồng, về con chung: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị T là giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lương Thùy T sinh ngày 01/12/2014. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị T không yêu cầu. Về tài sản không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T (Th) vắng mặt không lý do lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[2] Về thời gian chung sống: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn T (Th) thống nhất chung sống từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chị T yêu cầu ly hôn và anh T cũng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy chị T và anh T đã thống nhất việc ly hôn nhưng không thể ghi nhận sự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự do cả hai đều xác định chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó việc chung sống như vợ chồng của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án không xử cho ly hôn hay bác yêu cầu hoặc công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các bên mà tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng theo quy định tại điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[3] Về nuôi con chung: Anh T, chị T xác định có 01 con chung tên Lương Thùy T sinh ngày 01/12/2014. Hai bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận tại phiên họp và phiên hòa giải ngày 12/6/2018 là giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy anh T, chị T đã thỏa thuận và thống nhất được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận. Anh T được tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, anh T, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Khi có lý do chính đáng, anh Nguyễn Văn T (Th), chị Lương Thị T có quyền thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0012075 ngày

04/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí. Anh Nguyễn Văn T (Th) không phải nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn T (Th) là vợ chồng.

2/- Về nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T và chị T về việc nuôi con chung, cụ thể: Giao con chung tên Lương Thùy T sinh ngày 01/12/2014 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T (Th) được tạm miễn cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn T (Th) không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/- Án phí sơ thẩm: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0012075 ngày 04/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THA thị xã Giá Rai;
- Lưu hồ sơ.